



MAYA SCHOOL

TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ MAYA

Maya.edu.vn | Facebook.com/Maya.School

TUYỂN SINH: Admissions@mayaschool.edu.vn | 0971.69.8228 / 0971.58.8228

VĂN PHÒNG: Office@mayaschool.edu.vn | 0961.77.8228

MATHEMATICS

Exercise No 1 : Ôn tập cuối năm

Teacher : Nguyễn Thị Hậu

Bài 1. Ngày thứ nhất An đọc được $\frac{1}{4}$ quyển sách. Ngày thứ hai An đọc tiếp $\frac{5}{8}$ quyển sách đó. Hỏi còn lại bao nhiêu phần quyển sách An chưa đọc?

A. $\frac{7}{8}$

B. $\frac{1}{8}$

C. $\frac{3}{8}$

D. $\frac{6}{8}$

Bài 2. Kết quả của phép tính $\frac{2}{5} : \frac{3}{7}$ là:

A. $\frac{14}{12}$

B. $\frac{5}{12}$

C. $\frac{14}{35}$

D. $\frac{14}{15}$

Bài 3. Phân số nào dưới đây bằng với phân số $\frac{3}{7}$?

A. $\frac{7}{14}$

B. $\frac{12}{28}$

C. $\frac{6}{9}$

D. $\frac{13}{17}$

Bài 4. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài là 36m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

Diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật đó là:

A. 24 m^2

B. 60 m^2

C. 864 m^2

D. 744 m^2

Bài 5. Trong 10 ngày, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được 50kg đường. Trong 9 ngày đầu, cửa hàng bán được 420kg đường. Hỏi ngày thứ mười, cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường?

A. 80kg

B. 30kg

C. 47kg

D. 50kg

Bài 6. Biết $\frac{1}{4}$ của một bao gạo cân nặng 10kg. Hỏi $\frac{2}{5}$ của bao gạo đó cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- A. 22kg B. 16kg C. 20kg D. 26kg

Bài 7. Trong các phân số dưới đây, phân số nào là lớn nhất?

- A. $\frac{3}{2}$ B. $\frac{3}{4}$ C. $\frac{7}{7}$ D. $\frac{4}{3}$

Bài 8. Số gồm 4 triệu, 2 chục nghìn, 3 chục viết là:

- A. 4020030 B. 420030 C. 4200030 D. 42000030

Bài 9. Tính: $\frac{1}{2} + \frac{1}{3}$.

- A. $\frac{5}{2}$ B. $\frac{5}{6}$ C. $\frac{5}{3}$ D. $\frac{2}{5}$

Bài 10. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm: $15 \text{ m}^2 9 \text{ dm}^2 = \dots \text{ dm}^2$ là:

- A. 1509 B. 1590 C. 159 D. 1500

Bài 11. Tính $\frac{4}{5}$ của 65m là:

- A. 92m B. 62m C. 102m D. 52m

Bài 12. Tìm x, biết: $\frac{4}{7} \times X = \frac{1}{3}$.

- A. $\frac{4}{21}$ B. $\frac{12}{7}$ C. $\frac{3}{21}$ D. $\frac{7}{12}$

Bài 13. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của 8 phút 30 giây = giây là:

- A. 240 B. 830 C. 510 D. 110

Bài 14. Ta có 24kg bằng:

- A. $\frac{4}{5}$ của 35kg B. $\frac{3}{4}$ của 32kg C. $\frac{5}{6}$ của 30kg D. $\frac{2}{3}$ của 27kg

Bài 15. Trong các khoảng thời gian sau, khoảng thời gian nào dài nhất?

- A. 1 giờ 25 phút B. 85 phút C. 2 giờ 5 phút D. 128 phút

Bài 16. Phân số nào dưới đây ở giữa $\frac{1}{3}$ và $\frac{5}{6}$?

A. $\frac{2}{3}$

B. $\frac{2}{2}$

C. $\frac{4}{3}$

D. $\frac{1}{4}$

Bài 17. Tìm x, biết: $\frac{x}{6} = \frac{10}{15}$.

A. $x = 3$

B. $x = 5$

C. $x = 2$

D. $x = 4$

Bài 18. Kết quả của phép tính 837×103 là:

A. 20 002

B. 10 881

C. 86 211

D. 85 201

Bài 19. Điền số thích hợp vào chỗ chấm sau: 5 yến 6 kg = kg.

A. 65

B. 56

C. 50

D. 60

Bài 20. Phân số nào dưới đây bé hơn phân số $\frac{3}{7}$?

A. $\frac{3}{5}$

B. $\frac{8}{14}$

C. $\frac{9}{21}$

D. $\frac{6}{16}$

Bài 21. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $4\text{km } 32\text{m} = \dots\dots\dots \text{m}$ là:

A. 4320

B. 40032

C. 432

D. 4032

Bài 22. Tìm x, biết: $X + \frac{1}{3} = \frac{4}{5}$.

A. $\frac{7}{15}$

B. $\frac{3}{2}$

C. $\frac{19}{15}$

D. $\frac{5}{15}$

Bài 23. Số gồm hai mươi triệu và bốn trăm linh tám viết là:

A. 2000408

B. 20004008

C. 2040008

D. 20000408

Bài 24. Tính $\frac{3}{5} \times \frac{2}{7}$.

A. $\frac{5}{35}$

B. $\frac{6}{35}$

C. $\frac{5}{12}$

D. $\frac{6}{12}$

Bài 25. Trong các biểu thức dưới đây, biểu thức nào có giá trị bé nhất?

A. $\frac{2}{5} \times \frac{5}{2}$

B. $1 + \frac{3}{4}$

C. $\frac{5}{4} - \frac{3}{8}$

D. $1 : \frac{2}{3}$

Bài 26. Một lớp học có 18 học sinh. Trong đó có 12 học sinh nam. Hỏi tỉ số học sinh nữ so với cả lớp?

- A. $\frac{1}{3}$ B. $\frac{3}{5}$ C. $\frac{3}{2}$ D. $\frac{2}{3}$

Bài 27. Tính $\frac{3}{5} - \frac{1}{5} \times \frac{1}{6}$.

- A. $\frac{17}{30}$ B. $\frac{1}{15}$ C. $\frac{23}{55}$ D. $\frac{17}{150}$

Bài 28. Số 9870549 đọc là:

- A. Chín triệu tám mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi chín.
B. Chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn bốn trăm năm mươi chín.
C. Chín triệu tám trăm linh bảy nghìn năm trăm bốn mươi chín.
D. Chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn năm trăm bốn mươi chín.

Bài 29. Tìm hai số khi biết tổng là 1200 và hiệu của chúng là 120.

- A. 660 và 780 B. 420 và 540 C. 540 và 660 D. 540 và 606

Bài 30. Hai đội công nhân cùng đào một con đường dài 900 m, đội thứ nhất đào ít hơn đội thứ hai 164 m. Hỏi mỗi đội đào được bao nhiêu mét đường?

- A. 204m và 368m B. 386m và 523m C. 532m và 696m D. 368m và 532m

Bài 31. 68503 chia cho 52 được số dư là:

- A. 29 B. 19 C. 9 D. 20

Bài 32. Tìm x biết: $5280 : x = 24$

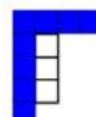
- A. $x = 126720$ B. $x = 12672$ C. $x = 220$ D. $x = 22$

Bài 33. Cho hình bình hành có diện tích là 312 m^2 , đáy là 24 m. chiều cao hình bình hành đó là:

- A. 17m B. 30m C. 37m D. 13m

Bài 34. Có 4 phân số, phân số nào biểu diễn phần tô đậm của hình sau:

- A. $\frac{8}{3}$ B. $\frac{3}{8}$ C. $\frac{8}{11}$ D. $\frac{3}{11}$



Bài 35. Hình thoi có diện tích là 60 m^2 , độ dài một đường chéo là 4m. Tính độ dài đường chéo thứ hai?

- A. 15 mét B. 30 mét C. 64 mét D. 460 mét.

Bài 36. Tìm hai số hiết hiệu là 80 và tỉ số đó là $\frac{8}{3}$.

- A. 128 và 48 B. 48 và 32 C. 64 và 16 D. 50 và 130

Bài 37. Một bản đồ vẽ theo tỉ lệ 1:1000. Hỏi độ dài 1 cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là bao nhiêu xăng – tit – mét ?

- A. 10cm B. 100 cm C. 999 cm D. 1000 cm

Bài 38. Một lớp học có 35 học sinh, trong đó số học sinh nam bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh nữ.

Hỏi lớp học có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

- A. 20 nữ và 35 nam. B. 20 nữ và 15 nam. C. 20 nữ và 3 nam. D. 15 nam và 4 nữ.

Bài 39. Hai kho chứa 2430 tấn thóc. Tìm số thóc mỗi kho, biết rằng số thóc của kho thứ nhất bằng $\frac{7}{2}$ số thóc của kho thứ hai.

- A. 1890 tấn và 504 tấn B. 1980 tấn và 540 tấn
C. 1980 tấn và 504 tấn D. 1890 tấn và 540 tấn

Bài 40. Lớp 4A có 32 bạn. Biết $\frac{1}{3}$ số bạn trai bằng $\frac{1}{5}$ số bạn gái. Tính số bạn trai lớp 4A.

- A. 15 bạn B. 16 bạn C. 12 bạn D. 20 bạn